

# LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

## QUYỂN 8

Đã nói về phần giải thích, tiếp theo nói về phần tín tâm tu hành.

Ở đây có bảy phần. Thế nào là bảy phần? Đó là:

1. Phần chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị phù hợp với nhau.
2. Phần phân tích phẩm loại tín tâm.
3. Phần tu hành phương tiện thiện xảo.
4. Phần giải thích rộng về cách đối trị ma sự.
5. Phần tán thán công đức Tam-muội.
6. Phần hai luân đủ, thiếu, thêm, bớt.
7. Phần khuyến khích hạng kém hưởng về đạt được bất thối.

Đây gọi là bảy phần.

Phần chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị phù hợp với nhau, tương đối thế nào?

Bổn Luận nói: Trong này dựa theo hạng chúng sanh chưa đi vào tụ chánh định để nói về phần tín tâm tu hành.

Luận giải thích: Nói là “Trong này dựa theo hạng chúng sanh chưa đi vào tụ chánh định”, chính là đối tượng được đối trị. Đó gọi là cảnh giới của đối tượng được giáo hóa. “Để nói về phần tín tâm tu hành”, chính là chủ thể đối trị. Đó gọi là giáo pháp của chủ thể giáo hóa. Cảnh giới của đối tượng giáo hóa có số lượng thế nào? Đó là thân tóm chúng sanh của hai tụ. Thế nào là hai tụ? Một là tụ định tà. Hai là tụ bất định. Vì sao? Vì hai loại chúng sanh này đều chưa đi vào trong tụ chánh định. Nói là phù hợp với nhau thì tương đối thế nào? Đó là vì trong hai loại chúng sanh đều có giáo thuyết phù hợp. Tương phù hợp thế nào? Đó là muốn che chở cho chúng sanh thuộc định tà nên nói tín tâm, muốn che chở chúng sanh thuộc tụ bất định nên nói về phần tu hành. Tại sao? Vì



tiến vào theo thứ tự pháp đó vốn như vậy, nghĩa là với người chưa tin thì trước hết phải xây dựng niềm tin, người đã tin vào đó thì không ngừng tu hành. Và lại, vì lợi ích nối thông với nhau.

Đã nói về phần chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị phù hợp với nhau. Tiếp đến nói về phần phân tích phẩm loại tín tâm.

Bổn Luận nói: Tín tâm như thế nào? Sao nói là tu hành? Lược nói thì tín tâm có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là tín căn bản, đó gọi là vui trong ý niệm hưởng về pháp Chân như. Hai là tín Đức Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ nhớ thân cận cúng dường cung kính để phát khởi thiện căn, vì nguyện cầu đạt được Nhất thiết trí. Ba là tín Pháp có lợi ích to lớn, nên luôn nghĩ đến tu hành các hạnh Ba-la-mật. Bốn là tín Tăng có năng lực tu hành chính đáng để lợi mình và lợi người, thường thích thân cận các chúng Bồ-tát, vì cầu học hỏi và thực hành đúng như thật”.

Luận giải thích: Ở trong văn này có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tín tâm. Hai là phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tu hành. Ba là phần lược trả lời biểu hiện rõ về tín tâm. Nói về phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tín tâm, đó gọi là hỏi tổng quát về số lượng của tín tâm. Như Bổn Luận nói: “Tín tâm như thế nào?”.

Nói về phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tu hành, đó là hỏi tổng quát về mức lượng của sự tu hành. Như Bổn Luận nói: “Sao nói là tu hành?”.

Ở trong phần thứ ba có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần trả lời tổng quát, đó là trả lời tổng quát về những điều đã nói. Như Bổn Luận nói: “Lược nói thì tín tâm có bốn loại”. Hai là nói về phần hỏi tổng quát, đó là hỏi tổng quát về những điều đã nói. Như Bổn Luận nói: “Thế nào là bốn loại?”. Ba là mở rộng trả lời. Trong phần thứ ba này có bốn phần nhỏ. Thế nào là bốn phần nhỏ? Một là phần tín căn bản làm cho tâm bình đẳng. Hai là phần tín Phật vui có công đức. Ba là phần tín Pháp để tinh tấn tu hành. Bốn là tín Tăng làm cho tâm không tranh chấp.

Nói về phần tín căn bản làm cho tâm bình đẳng, đó gọi là vui với niềm tin vì pháp từ xưa đến nay là lý chân như, lực vô minh có sai biệt trở thành nhiều loại, tất cả các tâm thấy đều hợp lại thành một khiến cho bình đẳng. Như bản văn nói: “Một là tín căn bản, đó gọi là vui trong ý niệm hưởng về pháp Chân như”.

Nói về phần tín Phật là vui mừng phát sanh công đức, đó gọi là vui với niềm tin vào Đức Thế Tôn là Đấng Đại Giác Như Lai vô thượng, vui mừng cầu mong hết thấy công đức vốn có vô lượng vô biên. Như Bốn Luận nói: “Hai là tín Đức Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ nhớ thân cận cúng dường cung kính để phát khởi thiện căn, vì nguyện đạt được Nhất thiết trí”.

Nói về phần tín Pháp để tinh tấn tu hành, đó gọi là vui với niềm tin vào chư Phật ba đời, là ân cha của mình, là ân mẹ của mình, là ân thầy của mình, không thể thay đổi đi được, không thể sinh ra và diệt, là phép tắc bất động giống như hư không và kim cương, có lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn trong chỗ không thể nghĩ bàn, thường hằng chuyển tiếp theo nhau vào tất cả mọi thời gian, đối với tất cả mọi xứ sở, để tu hành tất cả các phẩm trợ đạo. Như Bốn Luận nói, “Ba là tín Pháp có lợi ích to lớn, nên luôn nghĩ đến để tu hành các hạnh Ba-la-mật”.

Nói về phần tín Tăng làm cho tâm không tranh chấp, đó gọi là vui với niềm tin tất cả vô lượng Bồ-tát Tăng chúng lấy hai hạnh thù thắng làm phẩm đức bên trong của mình, hoặc cách xa, hoặc gần kề, tùy theo lúc mình nghe được, tùy theo lúc mình gặp mặt, tùy theo lúc mình suy nghĩ, hướng đến nơi các vị ấy, chí tâm lắng nghe, tiếp nhận các loại giáo pháp sâu xa, các loại kinh điển thâm diệu, các loại luận thuyết sâu rộng, các loại lý lẽ, các loại sự việc lạ kỳ, không hề đoạn tuyệt. Như Bốn Luận nói: “Bốn là tín Tăng có năng lực tu hành chính đáng để lợi mình và lợi cho người, thường thích thân cận các chúng Bồ-tát, vì cầu học hỏi và thực hành đúng với thật tế”.

Đã nói về phần phân tích phẩm loại tín tâm. Tiếp theo nói về phần tu hành phương tiện thiện xảo.

Bốn Luận nói: Tu hành có năm cách, có năng lực thành tựu niềm tin này. Thế nào là năm cách? Một là Bố thí. Hai là Trì giới. Ba là Nhẫn nhục. Bốn là Tinh tấn. Năm là Chỉ - Quán.

Sao nói là tu hạnh Bố thí? Nếu thấy tất cả những người đến cầu xin, thì của cải vốn có tùy theo khả năng mà giúp cho, để tự xả bỏ tâm tham tiếc làm cho những người kia hoan hỷ. Nếu gặp người đang bị ách nạn nguy hiểm bức bách làm cho sợ hãi, thì tùy bản thân mình có thể đảm nhận giúp cho họ không còn lo sợ. Nếu chúng sanh nào đến cầu giáo pháp, thì tùy bản thân mình có thể lý giải mà phương tiện nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ có ý niệm lợi mình và lợi người để hồi hướng Bồ-đề.

Sao nói là tu hạnh Trì giới? Đó là không giết hại - không trộm cắp

- không dâm loạn, không nói hai lưỡi - không nói lời thô ác - không nói dối trá - không nói thêm bớt, rời xa các tâm tham lam - ganh tỵ - lừa dối - dua nịnh - hiềm ác - nóng giận - lý giải tà vạy. Nếu là người xuất gia thì vì phá trừ phiền não, cũng nên rời xa những nơi ồn náo và thường ở nơi vắng lặng, tu tập các hạnh thiếu dục - tri túc - đầu đà..., thậm chí lỗi nhỏ thì tâm cũng sanh ý niệm sợ hãi - hổ thẹn và cố gắng sửa chữa sai lầm, không được coi thường đối với giới cấm Như Lai đã chế định, nên bảo vệ đừng gây ra mọi điều hiềm khích làm cho chúng sanh tưởng vọng gây nên tội lỗi.

Sao nói là tu hạnh Nhẫn nhục? Nghĩa là phải chịu đựng sự náo hại của người khác, tâm không ôm hận trả thù, cũng nên nén chịu đựng đối với các pháp thành công - thất bại - nói xấu - khen tốt - mỉa mai - ca ngợi - đau khổ - vui sướng...

Sao nói là tu hạnh Tinh tấn? Đó là đối với những việc thiện thì tâm không lười nhác lùi bước, lập chí kiên cường rời xa tâm ý khiếm nhược, hãy nghĩ đến quá khứ lâu xa đến nay, nhận chịu nỗi khổ to lớn của tất cả thân tâm một cách oan uổng không có lợi ích. Vì vậy, hãy chịu khó tu mọi công đức để lợi mình lợi người và nhanh chóng xa rời mọi nỗi khổ đau.

Vả lại, nếu như người tuy tu hành tín tâm, nhưng vì từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp chướng xấu ác, phải bị các loại tà ma quỷ quái làm cho não loạn, hoặc vì các loại công việc thế gian làm hệ lụy, hoặc vì sự phiền muộn do bệnh tật làm cho đau khổ. Có rất nhiều chướng ngại thuộc loại như vậy, vì thế cần phải dũng mãnh tinh tấn, ngày đêm sáu thời lễ lạy chư Phật, thành tâm sám hối khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng quả vị Bồ-đề luôn không rời bỏ, để tránh được các chướng nạn và tăng thêm thiện căn.

Sao nói là tu hạnh Chỉ Quán? Nói Chỉ, là ngăn lại tướng trạng của tất cả mọi cảnh giới, tùy thuận với nghĩa về pháp quán Xa-ma-tha. Nói Quán, là phân biệt tướng trạng của nhân duyên sanh diệt, tùy thuận với nghĩa về pháp quán Tỳ-bát-xá-na. Sao nói là tùy thuận? Theo hai nghĩa này tu tập dần dần, không tách rời nhau, cùng hiện ở phía trước. Nếu tu pháp Chỉ thì ở nơi yên lặng ngồi ngay ý thẳng, không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào đất nước lửa gió, cho đến không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả các tướng tùy theo niệm đều trừ bỏ, cũng loại trừ ý tưởng trừ bỏ, vì tất cả các pháp xưa nay là vô tướng, niệm niệm không sanh ra, niệm niệm không diệt, cũng không được theo tâm nghĩ đến cảnh giới bên ngoài,

sau đó dùng tâm loại trừ tâm. Nếu như tâm dong ruổi tản mác thì nên thu lại cột chặt vào chánh niệm. Chánh niệm này nên biết chỉ do tâm chứ không có cảnh giới nào khác, ngay cả tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể đạt được. Hoặc từ các oai nghi ngồi, đứng, đi lại tiến dừng và trong những việc làm, đối với tất cả mọi lúc thường nghĩ đến phương tiện tùy thuận quán sát, luyện tập lâu dài trở nên thuần thục thì tâm đó được dừng lại. Vì tâm dừng lại nên tâm sẽ dần dần mạnh mẽ và nhanh nhạy, tùy thuận được đi vào Tam muội Chân chú, hết sức làm cho phiền não phải hàng phục tức tâm tăng lên nhanh chóng thành tựu Bất thoái. Chỉ trừ ra những hạng nghi ngờ mê hoặc không tin và phỉ báng, tội lỗi nghiệp chướng nặng nề - ngã mạn - lười nhác, những người như vậy vốn không thể đi vào được. Hơn nữa, dựa vào Tam-muội này thì biết pháp giới đồng một tướng. Nghĩa là Pháp thân của hết thảy chư Phật, cùng với thân chúng sanh bình đẳng không sai khác, gọi là Tam-muội Nhất Hành. Nên biết Chân Như là Tam-muội căn bản, nếu người tu hành, thì dần dần có năng lực phát sinh vô lượng Tam muội”.

Luận giải thích: Ở trong văn này đã có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là phần nêu tổng quát trả lời những câu hỏi trước đây. Hai là phần thông suốt câu hỏi tổng quát đã nói. Ba là phần trả lời sơ lược kiến lập về môn số. Bốn là phần lược hỏi - trả lời rộng ra để nói chi tiết. Năm là phần ca ngợi Tam muội thù thắng.

Nói về phần nêu tổng quát trả lời những câu hỏi trước, đó là trả lời tổng quát câu hỏi trước kia. Như Bốn Luận nói: “Tu hành có năm cách, có năng lực thành tựu niềm tin này”.

Nói về phần thông suốt câu hỏi tổng quát đã nói, có nghĩa là hỏi tổng quát về những gì đã nói. Như Bốn Luận nói: Thế nào là năm cách?

Nói về phần trả lời sơ lược kiến lập về môn số, đó là kiến lập môn số căn bản. Như Bốn Luận nói: “Một là Bồ thí. Hai là Trì giới. Ba là Nhẫn nhục. Bốn là Tinh tấn. Năm là Chỉ Quán”. Tại sao theo thứ tự như vậy? Đó là vì tu hành sáu độ theo thứ tự pháp như thế.

Tiếp theo, trong phần lược hỏi trả lời rộng ra để nói chi tiết, vốn có năm phần. Vốn có năm phần nên quán sát kỹ. Trong năm loại của phần này, tất cả mỗi loại vốn có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần lược hỏi. Hai là phần trả lời rộng. Như thứ tự đó không lẫn lộn về số lượng, nên xem xét suy nghĩ để chọn.

Thứ nhất trong phần tu hạnh Bồ thí, nói sao gọi là tu hạnh Bồ thí? Đó chính là phần lược hỏi, nghĩa là bắt đầu hỏi, do đó về sau ở trong

các phần tiếp thuận theo biết như vậy. Ở trong phần trả lời rộng thì có ba loại thí. Thế nào là ba loại? Một là Tài vật thí. Hai là Tùy ứng thí. Ba là Giáo pháp thí.

Nói về Tài vật thí, nghĩa là nếu chúng sanh đến nơi cư trú của mình xin những vật mình có, thì không nghi ngờ, tùy thời gian nơi chốn, thấy đều giúp cho không hề tiếc. Vật như thế nào gọi là tài vật? Có bao nhiêu loại đồ vật? Đó là có hai loại tài vật. Thế nào là hai loại? Một là vật bên trong. Hai là vật bên ngoài. Đối với vật bên trong cũng có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là không có hình sắc. Hai là có hình sắc. Nói không có hình sắc, đó là tâm thức. Nói có hình sắc, đó là các căn. Nếu chúng sanh đến nơi mình cư trú cầu xin tâm thức, thì không tiếc rẻ, kịp thời giúp cho để người kia hoan hỷ. Nếu chúng sanh đến nơi mình cư trú, tùy theo những cần thiết cầu xin mình tất cả các căn tốt đẹp có hình sắc, lập tức không tiếc rẻ kịp thời giúp cho để người ấy hoan hỷ. Đây gọi là hai loại tài vật bên trong. Đối với vật bên ngoài cũng có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là có tình thức. Hai là không có tình thức. Nói vật có tình thức, chính là những loại như vợ con - thê thiếp - người hầu... Nói vật không có tình thức, tức là những loại như cung điện - nhà cửa - quần áo - đồ dùng trang nghiêm... Nếu chúng sanh đến nơi mình cư trú cầu xin những vật này, liền sẵn sàng kịp thời giúp đỡ khiến cho người ấy hoan hỷ. Đây gọi là hai loại tài vật bên ngoài. Như Bốn Luận nói: “Nếu thấy tất cả những người đến cầu xin của cải vốn có, tùy theo khả năng mà giúp cho, để tự xả bỏ tâm tham tiếc làm cho những người kia hoan hỷ”.

Đã nói về Tài vật thí, tiếp đến nói về Tùy ứng thí. Thế nào gọi là Tùy ứng thí? Đó là hoặc có chúng sanh năm căn bị hỏng mất không thể đầy đủ. Hoặc có chúng sanh gặp nhiều bệnh tật khổ sở không được yên ổn. Hoặc có chúng sanh tâm ý ngu tối không thể nào hiểu rõ, hành giả lúc này làm một người đức hạnh, tùy theo những yêu cầu của họ, tùy theo những gì đảm đương được, tùy theo những gì thích nghi với họ, tùy theo những gì cần thiết cho họ, có thể khéo chọn lựa, có thể dễ phân biệt, trừ bỏ những đau khổ phiền muộn kia khiến cho họ được hoan hỷ. Vì thế nói là Tùy ứng thí. Như Bốn Luận nói: “Nếu gặp người đang bị ách nạn nguy hiểm bức bách khiến sợ hãi, tùy bản thân mình có thể đảm nhận giúp họ không còn lo sợ”.

Đã nói về Tùy ứng thí, tiếp đến nói về Giáo pháp thí. Thế nào gọi là Giáo pháp thí? Đó là có chúng sanh hoặc đúng lúc và không đúng lúc, hoặc thân và không thân, hoặc thông suốt và không thông suốt,

hoặc ngu tối và không ngu tối, hoặc đàn ông và không phải đàn ông, hoặc đàn bà và không phải đàn bà, hoặc xấu ác và không xấu ác, hoặc loài người và không phải loài người..., những loại như vậy đến nơi mình cư trú, lúc muốn cầu pháp thì lập tức không tiếc, phát khởi tâm đại từ bi rộng lớn tròn đầy vô lượng vô biên, quyết định đoạn trừ nghi ngờ của họ, phân biệt để loại trừ phiền não và từ từ tăng thêm trí tuệ, giữ lấy người ấy không rơi vào đường ác, khiến cho đến được Đại Bồ-đề Vô thượng. Vì vậy nên nói là Giáo pháp thí. Như Bốn Luận nói: “Nếu chúng sanh nào đến cầu giáo pháp, tùy bản thân mình có thể lý giải nên theo phương tiện giảng nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ có ý niệm lợi mình và lợi người để hồi hướng Bồ-đề”.

Đã nói về phần tu hạnh Bố thí, tiếp đến nói về phần tu hạnh Trì giới. Ở đây có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần kiến lập giới tướng nêu rõ tông chỉ. Hai là phần thành tựu thắng xứ của giới phẩm. Ba là phần hành đầy đủ giới không coi thường. Bốn là phần gìn giữ không để cho phỉ báng.

Nói về phần kiến lập giới tướng nêu rõ tông chỉ, có nghĩa là kiến lập mười loại giới thanh tịnh để phòng ngừa chuyển biến. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Trì giới? Đó là không giết hại - không trộm cướp - không dâm loạn, không nói hai lưỡi - không nói lời thô ác - không nói dối trá - không nói thêm bớt, rời xa các tâm tham lam - ganh tỵ - lừa dối - đua nịnh - hiềm ác - nóng giận - lý giải tà vạy”. Nói về phần thành tựu thắng xứ của giới phẩm, nghĩa là nếu như để đạt đầy đủ giới phẩm, luôn phải xa rời nơi tán loạn hỗn tạp, thường nên tiếp cận nơi vắng lặng tốt đẹp, an trú trong đó không rời bỏ. Như Bốn Luận nói: “Nếu là người xuất gia vì để phá trừ phiền não, cũng nên rời xa những nơi ồn náo và thường ở nơi vắng lặng”. Nói về phần hành đầy đủ giới không coi thường, nghĩa là tu hành các loại công hạnh tốt đẹp dấy lên tâm tin tưởng sâu xa, không được khinh thường giới luật thanh tịnh do Đức Như Lai đã chế định. Như Bốn Luận nói: “Tu tập các hạnh thiếu dục - tri túc - đầu đà..., thậm chí lỗi nhỏ thì tâm cũng sanh ý niệm sợ hãi, hổ thẹn và cố gắng sửa chữa sai lầm, không được coi thường đối với giới cấm của Đức Như Lai đã chế định”. Nói về phần gìn giữ không để phỉ báng, nghĩa là bảo vệ gìn giữ giới Phật như gìn giữ con người mắt, suốt đời không để vỡ mất hoặc bị hư hỏng. Có đầy đủ mọi lợi ích cho bản thân mình, thì các loại chúng sanh phóng dật hiềm khích, không để cho phát khởi những tưởng vọng và gây ra tội lỗi, đầy đủ mọi lợi ích cho người thì để trang nghiêm tốt đẹp cho đại dương Chánh Giác. Như Bốn



Luận nói: “Nên bảo vệ đừng gây ra mọi điều hiểm khích làm cho chúng sanh tưởng vọng gây nên tội lỗi”.

Đã nói về phần tu hạnh Trì giới, tiếp đến nói về phần tu hạnh Nhẫn nhục. Trong đây lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần biểu hiện rõ lược nêu về nhẫn điều phục ngã. Hai là biểu hiện rõ mở rộng về nhẫn vô ngã.

Nói về phần biểu hiện rõ lược nêu về nhẫn điều phục ngã, nghĩa là nếu chúng sanh tạo ra cảnh giới xấu ác làm náo loạn tâm mình, hành giả lúc ấy tâm chủ động nhẫn chịu không biến động, bức náo. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Nhẫn nhục? Đó là phải chịu đựng sự náo hại của người khác, tâm không ôm hận trả thù”. Nói về phần biểu hiện rõ mở rộng về nhẫn vô ngã, nghĩa là hoặc có chúng sanh, đem đồ ăn thức uống, áo quần vật dụng cùng các loại tài vật, giúp cho mình có được lợi ích hoan lạc. Hoặc có chúng sanh, dùng các loại dao gậy đáng sợ đến nơi mình cư trú, phá hủy mọi thứ và thân mình khiến không tự tại được. Hoặc có chúng sanh, dùng các loại từ ngữ thô bỉ để phỉ báng, mắng nhiếc, chê bai nói xấu về mình hoặc là xa hay là gần. Hoặc có chúng sanh, dùng các loại phẩm đức thuộc bậc chính thức an trú để ca ngợi bản thân mình. Ở trong các loại sự việc như vậy, tâm của hành giả vẫn bình đẳng kiên cố bất động giống như núi Tu Di. Như Bốn Luận nói: “Cũng nên chịu đựng đối với các pháp thành công - thất bại - nói xấu - khen tốt - mỉa mai - ca tụng - đau khổ - vui sướng”.

Đã nói về phần tu hạnh Nhẫn nhục, tiếp đến nói về phần tu hạnh Tinh tấn. Ở đây lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát về tu hành tinh tấn. Nghĩa là đối với các loại sự việc tốt đẹp, tâm đó chuyển thành hơn hẳn, thường xuyên ham muốn tinh tấn suốt đời không ngừng. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Tinh tấn? Đó là đối với những việc thiện thì tâm không lười nhác lùi bước, lập chí kiên cường rời xa tâm ý khiếm nhược”. Hai là phần giải thích riêng về tu hành tinh tấn, đây lại chia làm hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tu hành tinh tấn không trở ngại. Hai là phần tu hành tinh tấn có trở ngại.

Nói về phần tu hành tinh tấn không trở ngại, đó là hành giả khởi lên ý niệm như vậy: Mình từ thời vô thủy quá khứ đến nay, chỉ nhận lấy thân tâm hư vọng giả dối, hoàn toàn không thể nhận lấy được thân tâm kim cang bất hoại, không có nhân duyên gì khác chỉ vì không chịu khó thực hành trong các công hạnh vi diệu. Nếu mình lười nhác không thực hành như trước, thì hưởng về đời vị lai, lại cũng nhận chịu thân tâm

hư vọng hoàn toàn không có lợi ích gì, không có hạn kỳ thoát ra được. Thân của chính mình còn không thoát ra thì mất hết phần tự lợi, huống hồ là cứu giúp các loại chúng sanh đang còn có nhiều đau khổ để đầy đủ công hạnh lợi tha được sao? Khởi ý niệm này rồi, lập tức phát khởi tâm chí thiết tinh tấn, tu hành nhân hạnh rộng lớn, trang nghiêm quả vị vạn đức, kiến lập công hạnh tự lợi lợi tha không thiếu sót sai lệch. Như Bồ đề Luận nói: “Hãy nghĩ đến quá khứ lâu xa đến nay, nhận chịu nỗi khổ to lớn của tất cả thân tâm một cách oan uổng, không có lợi ích. Vì vậy, hãy chịu khó tu mọi công đức để lợi mình lợi người và nhanh chóng xa rời mọi nỗi khổ đau”.

Nói về phần tu hành tinh tấn có trở ngại, đó là nếu như chúng sanh, vì có nghiệp chướng từ vô thủy quá khứ còn lại, bị quân ma, ngoại đạo và quỷ thần xấu ác làm cho não loạn không thể tu hành được. Hoặc có chúng sanh, bị ràng buộc do các công việc hiện tại ở thế gian, hoặc bị sự bức nã của tất cả các loại bệnh tật khốn khổ không thể tu hành được... Những chúng sanh thuộc loại như vậy, cho dù tai nghe được phép tắc mẫu mực, lời nói cao quý, trong mắt nhìn thấy văn chương giáo pháp giảng giải về tướng trạng, nhưng không thể nào chuyên cần tu hành để phát sinh tâm chí chán bỏ, mong cầu. Nhưng nếu như tâm chúng sanh đó dũng mãnh tinh tấn, phát khởi các loại phương tiện tốt đẹp, giữ tâm có thể đảm đương được, thì biển khơi nghiệp chướng sẽ dần dần lặng sóng, núi lớn công đức càng ngày càng lộ rõ đỉnh cao, tám ngọn gió không thể lay động, chín phiến não không ràng buộc được. Như Bồ đề Luận nói: “Vả lại, nếu như có người tuy tu hành tín tâm, nhưng vì từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp chướng xấu ác, phải bị các loại tà ma quỷ quái làm cho não loạn, hoặc hệ lụy các loại công việc thế gian, hoặc bị phiền muộn do bệnh tật làm cho đau khổ. Có rất nhiều chướng ngại thuộc loại như vậy, vì thế cần phải dũng mãnh tinh tấn, ngày đêm sáu thời lễ lạy chư Phật, thành tâm sám hối khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng quả vị Bồ-đề, luôn không rời bỏ, để tránh được các chướng nạn và tăng thêm thiện căn”.

Đã nói về phần tu hạnh Tinh tấn, tiếp đến nói về phần tu hạnh Chỉ Quán. Ở đây có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát về luân chỉ. Hai là phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát về Luân quán. Ba là phần giải thích tóm lược, quyết trạch tùy thuận. Bốn là phần giải thích rộng, quyết trạch về Luân chỉ. Phần đầu nói nghĩa là ngăn tâm lo nghĩ hiểu biết, cản trở tư duy tán loạn, an trú vào trong một tánh tịch tĩnh, không ra ngoài tướng trạng

của tất cả mọi cảnh giới, để tùy thuận với định, nêu lên nghĩa về quán Đà-a-la. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Chỉ Quán? Nói là Chỉ, là ngăn lại tướng trạng của tất cả mọi cảnh giới, tùy thuận với nghĩa về pháp Quán Xa-ma-tha”.

Nói đến phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát về Luân quán, nghĩa là nói rõ sự chọn lựa về đạo lý của nhân duyên, xem xét để phân biệt hình tướng của vô thường, có thể dễ thông suốt, có thể dễ biết tất cả, tùy thuận với Quán nêu lên nghĩa về quán Đà-a-la. Như Bốn Luận nói: “Nói là Quán, là phân biệt tướng trạng của nhân duyên sanh diệt, tùy thuận với nghĩa về pháp quán Tỳ-bát-xá-na”.

Nói đến phần giải thích tóm lược, quyết trạch tùy thuận, đó là định thường xuyên với Quán kia là thuận, Quán thường xuyên trong định kia tức thuận, nên đầy đủ và đầy đủ không xa rời hay chuyển đổi. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tùy thuận? Theo hai nghĩa này tu tập dần dần không tách rời nhau, cùng hiện có ở phía trước”.

Ở trong phần giải thích rộng, quyết trạch về Luân chỉ có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần thành tựu nhân duyên của Luân chỉ. Hai là phần trực tiếp chỉ ra cách tu hành Luân chỉ. Ba là phần tu hành Luân chỉ được lợi ích. Bốn là phần chọn lựa giới hạn vào và không vào. Ở trong phần thành tựu nhân duyên của Luân chỉ thứ nhất, có mười lăm loại. Thế nào là mười lăm loại? Đó là:

1. Nhân duyên về chỗ ở vắng lặng.
2. Nhân duyên chỉ một mình không chung nhau.
3. Nhân duyên về nơi ở tốt đẹp.
4. Nhân duyên về áo quần đầy đủ.
5. Nhân duyên về đồ ăn thức uống đầy đủ.
6. Nhân duyên hạn định phạm vi giữ gìn thanh tịnh.
7. Nhân duyên nhà cửa phòng ốc có tạo lập.
8. Nhân duyên không phát khởi nói năng chuyện trò.
9. Nhân duyên tạo tượng ngồi.
10. Nhân duyên ngồi nơi chỗ ngồi của mình.
11. Nhân duyên thời hạn ra vào.
12. Nhân duyên về thiện hữu tri thức.
13. Nhân duyên biết rõ tà chánh.
14. Nhân duyên trông rừng cây thiện.
15. Nhân duyên ghi tạc vòng chữ vào lòng. Đây gọi là mười lăm loại nhân duyên lớn.

Nói về nhân duyên chỗ ở vắng lặng, đó là nếu tu tập phương pháp

Luân chỉ, nên ở những nơi vắng lặng, u tịch, như núi rừng hang động..., rời xa nơi xóm làng ồn ào náo loạn. Vì sao? Vì giữa chốn tán loạn thì pháp tu Luân chỉ khó thành tựu.

Nói về nhân duyên chỉ một mình không chung nhau, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, thì trong một phạm vi có hai người cùng cư trú sẽ không hợp lý. Vì sao? Vì va chạm làm phiền lẫn nhau.

Nói về nhân duyên nơi ở tốt đẹp, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, vị trí chỉ có trong phạm vi hai phương Đông và Tây, trong phạm vi phương Nam và Bắc không nên ở. Vì sao? Vì có luân giác phát sinh.

Nói về nhân duyên áo quần đầy đủ, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, nhất định phải sử dụng ba loại áo. Thế nào là ba loại? Một là loại màu vàng. Hai là loại màu đỏ. Ba là loại màu trắng. Ba loại áo như thế cùng sử dụng trong một lúc. Vì sao? Vì loài sâu Tỳ-xoa-la không thể vào được.

Nói về nhân duyên đồ ăn thức uống đầy đủ, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, nhất định phải sử dụng loại hạt Già-ma-y-đà-da để khô, vì những loại hạt khác đều không thể nào dùng được. Vì sao? Vì hạt Già-ma-y-đà-da ấy có tính tiên. Vả lại, nếu không sử dụng các loại Bà-ni-la, thì thọ dụng thời tiết chỉ có ích từ bên trong, vì không có định.

Nói về nhân duyên hạn định phạm vi giữ gìn thanh tịnh, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, cách nhà mình ở trong khoảng một Câu-lô-xá, tụng một trăm mười biến Đại thần chú. Tướng trạng đó thế nào? Đó chính là tụng chú:

Đát điệt tha na la đế, bà xoa ni, a ma da ca đà đế bà bà a a bà bà di đà, xà khư na, ô ha y đà đế, yểm yểm yểm yểm đế, đa bạt đà đà da, ma na thi chỉ đế, xa đà ni phiệt, xoa la ni cưu ha a ha cưu đa thi yểm a đà đà đế, ma ha già da đế, ma ha a già da đế, kiện đa ni, a la a la a la a la a la a la a đế sa bà ha.

Nếu tụng chú này xong, thì hạn định phạm vi giữ gìn thanh tịnh. Vì sao? Vì các loại chất độc không thể vào được.

Nói về nhân duyên của việc tạo lập nhà cửa phòng ốc, nghĩa là nếu vì xây dựng nhà cửa phòng ốc phục vụ cho sự tu tập pháp định, cần phải có đủ mười việc. Thế nào là mười việc? Đó là:

1. Cửa ngõ, chỉ có hướng về phía Đông chứ không phải là hướng khác.

2. Cao thấp, phía Đông cao dần lên và phía Tây thấp dần xuống.

3. Góc vuông, ở giữa một phương cách nhau mỗi phương một trượng.

4. Thứ lớp, là chồng chất mười lớp.

5. Vật sử dụng, chỉ sử dụng năm loại chứ không phải là loại gì khác. Thế nào là năm loại? Một là vàng. Hai là bạc. Ba là đồng. Bốn là sắt. Năm là gỗ tùng.

6. Bạc cửa, ngang bằng với nơi đó không có sai khác.

7. Lớp cửa, là có mười lớp cửa.

8. Chốt cửa, là không có âm thanh phát ra.

9. Tường vách, độ cao một trượng và chồng mười lớp.

10. Ra vào, trong các cửa ấy đều tụng thần chú.

Tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là nếu như mở ra thì tụng chú:

Nam ma dạ đế, ma ha cụ tỳ na ha, a la bà đề, đà đà a già độ, bát chỉ a chỉ thi, giá bà ni nặc đế, bà chỉ ma tỳ na, a na thi chỉ ni thi chỉ sa bà ha. Nếu tụng thần chú này một ngàn biến, liền thuận theo lúc, thấy đều thông suốt. Nếu là lúc vào thì tụng chú:

Nam mô nam chỉ na, nam mô phiệt thi đà, nam mô nam a đế, nam mô nam a lê na, nam mô kiện đà ni sa bà ha.

Nếu tụng thần chú này một ngàn năm trăm biến xong, thì thuận theo lúc đều biết mở đóng. Nói về nhân duyên không phát ra nói năng, chuyện trò, nghĩa là nếu vì tu tập phương pháp Luân chỉ, đối với tất cả mọi lúc, đối với tất cả mọi nơi, không phát ra lời nói. Vì sao? Vì thuận theo lời nói mà tâm thức xuất hiện.

Nói về nhân duyên tạo tượng ngời, nghĩa là nếu vì tạo ra hình tượng ngời để tu định, phải có đủ năm việc. Thế nào là năm? Đó là:

1. Về vật dụng để làm, hãy sử dụng gỗ cây tùng.

2. Về độ cao, như một nửa thân mình trở lên không thêm bớt.

3. Về góc cạnh, đối với một phương trung tâm thì các phương cách nhau bốn thước.

4. Về phương hướng, chỉ hướng về phương Đông chứ không phải là phương khác.

5. Về dụng cụ trên chỗ ngời, chỉ dùng Đà-la-đế màu vàng và các loại ghế ngời màu vàng.

Nói về nhân duyên ngời nơi chỗ ngời của mình, nghĩa là nếu vì tu tập phương pháp Luân chỉ, cần phải có đủ mười việc để ngời nơi chỗ ngời đó. Thế nào là mười việc? Đó là:

1. Về chân ngang nhau, hai ngón tay cái đặt giữa cuối hai đầu gối,

hợp với nhau không có sai khác.

2. Về đầu gối ngang nhau, là hai đầu gối giữ cho cân bằng khiến không lệch.

3. Về lưng thẳng, lưng phải thẳng đứng không hề nghiêng lệch và chùn xuống.

4. Về tay chống lên, hai tay đối nhau, tay phải đặt dưới tay trái đặt trên, tay trái đặt dưới thì tay phải đặt trên, trải qua một ngày rồi thay đổi lẫn nhau mà không quên mất, lại cũng tay đó sắp xếp trên các căn.

5. Về cổ thẳng, bản chất của cổ là ngay thẳng không dao động thì định được kiến lập.

6. Về mặt nhìn thẳng, tướng mạo của mặt không ngược lên không cúi xuống để cân bằng trạng thái.

7. Về miệng, trạng thái của miệng không rộng không hẹp chỉ mở ra bình thường.

8. Về mũi, hơi thở khiến không sai khác, nghịch loạn phải là một nơi thông suốt.

9. Về mắt, mắt vừa phải ngang bằng, thư thái, không hướng lên, không hướng xuống.

10. Về nơi dừng mắt, đặt ánh mắt đó vào trong vòng chữ Đại hư không, luôn không xa rời. Đây gọi là mười điều trong lúc ngồi tu pháp Chỉ.

Nói về nhân duyên thời hạn ra vào, nghĩa là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, chỉ sử dụng hai thời gian vào giờ Thìn và giờ Ngọ, vì không ra vào trong những thời gian khác với thời gian này.

Nói về nhân duyên thiện hữu tri thức, nghĩa là nếu vì tu tập phương pháp Luân chỉ, thì làm bạn với người có trí tuệ sâu xa.

Nói nhân duyên ấn quyết biết tà chánh, nghĩa là nếu vì tu pháp Luân chỉ, thì thuận theo mức lượng hình tượng đó cần phải thủ ấn kim cương, mới biết rõ đâu là tà, đâu là chánh. Trạng thái đó thế nào? Đó là lập tức tụng chú:

Đát điệt tha mạn na ô đà đế, bà la chỉ đà ni, giá thi di đa da, yểm a thi đế na sa bà ha.

Nếu như tụng thần chú này bốn ngàn sáu trăm năm mươi biến xong, thì trong hình tượng kia xuất hiện hai vòng chữ. Đó là nếu người tà vạy thì đưa ra vòng chữ Tà, nếu là người chánh trực thì đưa ra vòng chữ Chánh, theo đó để phân biệt.

Nói về nhân duyên trồng rừng cây thiện, nghĩa là nếu như vì người tu tập phương pháp Luân chỉ, thì trong phạm vi phía trước nhà mình ở

nên trồng hai loại cây thuộc loại an lành. Thế nào là hai loại? Một là cây tùng. Hai là cây lựu.

Nói về nhân duyên ghi tạc vòng chữ vào lòng, nghĩa là nếu như vì người tu tập phương pháp Luân chỉ, cần phải ghi tạc vòng chữ vào lòng. Thích hợp ở nơi nào? Đó là nơi tâm tư. Vì nghĩa gì cần phải ghi tạc vào vòng chữ này? Nghĩa là vòng chữ này hết thủy chư Phật ba đời và vô lượng vô biên các vị Bồ-tát, lấy đó làm sư trưởng đại ân - cha mẹ đại ân - trời đất đại ân - biển cả đại ân. Vì nhân duyên ấy nên là người tu tập pháp Chỉ hãy ghi tạc tâm mình vào vòng chữ này. Như vậy, nhân duyên tuy có vô lượng, nay trong Luận Ma Ha Diễn này, chỉ trình bày nhân duyên thứ nhất, chứ không trình bày các nhân duyên khác, là vì đưa ra nhân duyên đầu là thấu tóm mọi nhân duyên sau. Như Bản Luận nói: “Nếu tu pháp Chỉ thì ở nơi yên lặng”.

Đã nói về phần nhân duyên thành tựu của Luân chỉ, tiếp đến nói về phần trực tiếp chỉ ra cách tu hành Luân chỉ. Trong phần này có bảy phần. Thế nào là bảy phần? Đó là:

1. Phần giữ tâm quyết định, là tâm ấy chắc chắn trong lý chân như bất sanh bất diệt. Như Bản Luận nói: “Ngồi ngay ý thẳng”.

2. Phần không đắm vào thân thể, vì có thể dễ thông suốt thân này là rộng lặng chẳng có gì, tự tánh vốn có đó không thể đạt được. Như Bản Luận nói: “Không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào đất nước lửa gió”.

3. Phần không đắm vào tâm thức, vì có năng lực dễ thông suốt tâm suy nghĩ nhận biết, tự tánh rộng lặng hoàn toàn chẳng hề có gì. Như Bản Luận nói: “Cho đến không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả các tướng tùy theo niệm đều trừ bỏ, cũng loại trừ luôn ý tưởng”. Từ đây trở xuống là nêu rõ nhân duyên thân tâm đó rộng lặng không có gì. Như Bản Luận nói: “Vì tất cả các pháp xưa nay là vô tướng, niệm niệm không sanh ra, niệm niệm không diệt, cũng không được theo tâm nghĩ đến cảnh giới bên ngoài”.

4. Phần không đắm vào nơi không đắm vào, vì tâm có năng lực loại trừ cũng loại trừ luôn. Như Bản Luận nói: “Sau đó dùng tâm loại trừ tâm”.

5. Phần tập trung lại thành một, là thấu gồm mọi tâm phân tán dấy động đặt vào trong một tâm. Như Bản Luận nói: “Nếu như tâm dong ruổi tản mát thì nên thấu lại, cột chặt vào chánh niệm”.

6. Phần biểu hiện rõ chánh niệm, là biểu hiện rõ các pháp chỉ có một tâm. Như Bản Luận nói: “Chánh niệm này, nên biết chỉ do tâm chứ

không có cảnh giới nào khác, ngay cả tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể đạt được”.

7. Phần luôn thực hành không xa rời, vì tâm định như vậy đối với tất cả mọi lúc tất cả mọi nơi, luôn tương tục không rời bỏ. Như Bốn Luận nói: “Nếu từ các oai nghi ngồi, đứng dậy, đi lại, tiến dừng và trong những việc làm, ở tất cả mọi lúc luôn nghĩ đến phương tiện tùy thuận quán sát”.

Đã nói về phần trực tiếp chỉ ra cách tu hành Luân chỉ, tiếp đến nói về phần tu hành Luân chỉ được lợi ích. Đó là nếu người nào có thể tu pháp định này, dần dần chuyển hóa làm cho đại dương phiền não khô cạn, núi lớn nghiệp chướng sụp đổ, đi vào định chân như thông hiểu tất cả các pháp đến nơi không còn thoái lui. Như Bốn Luận nói: “Luyện tập lâu dài trở nên thuần thực thì tâm đó được dừng lại. Vì tâm dừng lại nên dần dần mạnh mẽ và nhanh nhạy, tùy thuận được đi vào Tam muội Chân chú, rốt ráo làm cho phiền não phải hàng phục và tín tâm tăng lên nhanh chóng, thành tựu bất thoái”.

Đã nói về phần tu hành Luân chỉ được lợi ích, tiếp đến nói về phần chọn lựa giới hạn vào và không vào. Ở trong phần này có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là ý đi vào hưởng về. Hai là ý không đi vào. Nói đến ý đi vào hưởng về, nghĩa là hoặc có chúng sanh hưởng về đi vào pháp sâu xa, tâm không hề nghi ngờ. Hoặc có chúng sanh nghe được pháp rất sâu xa, tâm họ quyết định không nẩy sinh tâm không tin. Hoặc có chúng sanh nghe được pháp rất sâu xa thì hết sức tôn trọng không nẩy sinh tâm phỉ báng. Hoặc có chúng sanh không có nghiệp chướng nặng nề. Hoặc có chúng sanh không có tâm ngã mạn. Hoặc có chúng sanh không có tâm lười nhác. Sáu loại người như vậy, đi vào chủng tánh Phật quyết định không nghi ngờ, gọi là ý đi vào hưởng về. Nói đến ý không đi vào, nghĩa là nếu chúng sanh trái với sáu loại người này, vĩnh viễn đoạn tuyệt chủng tử Tam bảo, thì quyết định không nghi ngờ, đó chính là ý không đi vào. Như Bốn Luận nói: “Chỉ trừ những hạng nghi ngờ, mê lầm không tin và phỉ báng, tội lỗi nghiệp chướng nặng nề - ngã mạn - lười nhác, những người như vậy vốn không thể đi vào được”.

Đã nói về phần lược hỏi - trả lời rộng để nói chi tiết. Tiếp đến nói về phần ca ngợi Tam-muội thù thắng. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần thể rộng lớn vô biên thù thắng. Hai là phần quyền thuộc vô tận thù thắng. Nói đến phần thể rộng lớn vô biên thù thắng ấy, là tu tập Tam-muội này thì thông đạt hết thấy vô lượng các pháp Phật, đồng một thể chung một tướng không có sai biệt. Như Bốn Luận nói:



---

“Hơn nữa, dựa vào Tam muội này thì biết pháp giới đồng một tướng, nghĩa là Pháp thân của hết thầy chư Phật, cùng với thân của chúng sanh là bình đẳng không hai, gọi là Tam muội Nhất hành”. Nói đến phần quyển thuộc vô tận thù thắng, đó chính là Tam muội Chân chư này, có năng lực làm gốc rễ đích thực cho vô lượng vô biên Tam muội Kim cang, để luôn sinh ra và lớn lên. Như Bốn Luận nói: “Nên biết Chân như là Tam muội căn bản, nếu người tu hành thì dần dần có năng lực phát sinh vô lượng Tam-muội”.

